

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Củ Chi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán: **Mua sắm vật tư y tế và hóa chất (lần 2) của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. **Đơn vị yêu cầu báo giá:** Bệnh viện Đa khoa Củ Chi.

2. **Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:** Tổ thầu - 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Tổ thầu - 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.

3.2. Nhận qua email: tothau.bvcc@gmail.com. (Quý công ty gửi file mềm và file scan bảng báo giá qua email đồng thời gửi thư bảng báo giá về địa chỉ: Tổ thầu - 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547)

4. **Thời hạn tiếp nhận báo giá:** Từ ngày 09 tháng 3... năm 2026 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026

- Cụ thể thời gian tiếp nhận báo giá mỗi ngày trong thời hạn quy định như sau:

- Sáng: Từ 07h00 đến 11h30;
- Chiều: Từ 13h00 đến 16h30.

- Các báo giá sẽ được Bệnh viện tiếp nhận trong giờ hành chính các ngày trong tuần (Bệnh viện sẽ không tiếp nhận báo giá vào ngày thứ 7 và chủ nhật hàng tuần).

5. **Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** Tối thiểu 210 ngày kể từ thời hạn tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. **Danh mục hàng hóa.** (Đính kèm Phụ lục danh mục hàng hóa).

2. **Địa điểm giao hàng:** Bệnh viện Đa khoa Củ Chi.

3. **Thời gian giao hàng dự kiến:** 24 giờ đến 48 giờ tính từ khi nhà thầu nhận được đơn đặt hàng của Bệnh viện.

4. **Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:**

- Tỷ lệ tạm ứng: không có.
- Thanh toán hợp đồng khi trúng thầu:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản;

Thời hạn thanh toán: 90-120 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận được hóa đơn tài chính và đầy đủ hồ sơ thanh toán (bao gồm: Biên Bản nghiệm thu, Mẫu số 08a, Bảng đối chiếu công nợ) của nhà thầu;

5. Các thông tin khác:

- Nhà thầu vui lòng báo giá mẫu (Đính kèm Mẫu báo giá);
- Mô tả đặc tính kỹ thuật có thể được thay đổi khi HĐKHCN của Bệnh viện có nhu cầu;

- Địa điểm cung cấp hàng hóa sau khi trúng thầu và ký kết hợp đồng: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi – Địa chỉ: 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Củ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM;

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT (THTT.02b);

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tô Bảo Hoàng

BẢNG BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi

".....(tên đơn vị)..... có địa chỉ tại:..... số đăng ký kinh doanh....., số điện thoại liên hệ....., email.....
Cần cử thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bảng báo giá các hàng hóa như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mã vật tư y tế theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021/Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017* (nếu có)	Mã ký hiệu/Chủng loại	Thành phần, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Phân loại	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Thời gian giao hàng	Mã E-TBMT (nếu có)	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trúng thầu (nếu có)	Ghi chú		
1																				IB...				
2																				IB...				
TỔNG CỘNG																								

Ghi chú:

* Theo hướng dẫn tại Công văn số 12609/SYT-KHTC ngày 27/11/2024 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024.

- Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có).
- Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bản giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- Báo giá có hiệu lực 210 ngày kể từ ngày báo giá.
- Nội dung nào không có thông tin nhà thầu để trống.

.....Ngày .. tháng năm 2026
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)





PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế và hóa chất (lần 2) của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi năm 2026

(Đính kèm Thông báo số: 296/TB-BVCC, ngày 09/.../2026)

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chủng chuẩn E. coli ATCC 25922	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
2	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
3	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 29213	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
4	Chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
5	Chủng chuẩn Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
6	Chủng chuẩn Candida albicans ATCC 14053	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
7	Chủng chuẩn Candida parapsilosis ATCC 22019	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
8	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 25923	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	3,0
9	Đo độ đục chuẩn 0.5 McFarland	- Kiểm soát chất lượng để kiểm tra và điều chỉnh mật độ của huyền dịch vi khuẩn. Tiêu chuẩn độ đục 0.5 McFarland cung cấp mật độ quang học có thể so sánh với mật độ của huyền phù vi khuẩn với đơn vị hình thành khuẩn lạc $1,5 \times 10^8$ CFU/mL. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Ổng	5,0

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10	Môi trường chuyên chờ	- Bảo quản và chuyên chờ mẫu phân dùng trong xét nghiệm vi sinh lâm sàng. Thời gian bảo quản bệnh phẩm 48 giờ ở nhiệt độ thường hoặc 2-8°C. - Môi trường được chứa trong tube nhựa, phù hợp khi sử dụng với tấm bông lấy bệnh phẩm vô trùng. - Tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc tương đương.	Tuýp	100,0
11	Môi trường NaCl 6,5%	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng dung nạp 6.5% sodium chloride của vi khuẩn để phân biệt Enterococcus với non – Enterococcus. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Lọ	30,0
12	Môi trường Pyruvate broth	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng biến dưỡng pyruvate để phân biệt vi khuẩn E.faecalis với E. Faecium. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Lọ	30,0
13	Môi trường Bile Esculin	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng thủy giải esculin của vi khuẩn với sự hiện diện của bile để phân biệt Group D streptococcus với các nhóm streptococcus khác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Lọ	30,0
14	Bộ định danh vi khuẩn Gram âm dễ mọc	Bộ định danh IVD NK-IDS 14GNR là một hệ thống gồm 14 thử hoặc bộ định danh API20 hoặc tương đương nghiệm sinh hóa dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Bộ	20,0
15	Môi trường MR-VP	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	8,0
16	Môi trường MIU	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa sinh urease, sinh indol và di động. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Hộp	5,0
17	Môi trường định danh Staphylococcus	Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/CLSI/EUCAST/CE hoặc tương đương.	Lọ	20,0
18	Đĩa giấy Bacitracin (A)	- Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Quy cách: ≥20 đĩa/lọ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	100,0
19	Đĩa giấy Optochin (P)	- Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Quy cách: ≥20 đĩa/lọ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	100,0
20	Khoanh giấy Novobiocin	- Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Hộp đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn. - Quy cách: ≥20 đĩa/lọ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA/ CE hoặc tương đương.	Đĩa	100,0

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
21	Test nhanh HIV 1/2 Ab	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết tương, huyết thanh và máu toàn phần người. - Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$. - Hàm lượng chính: Antibody anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen (pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen (PjC100) HIV-2, Antigen (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen, ... - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút. Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút. - Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Thể tích mẫu sử dụng: huyết tương/ huyết thanh $\leq 50 \mu\text{L}$. - Nhiệt độ bảo quản: 2-30°C. - Nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. Sản xuất tại nước thuộc G7. 	Test	5.000,0
22	Test phát hiện Morphine (MOP) trong nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Test phát hiện Morphine (MOP) trong nước tiểu dạng que test/ khay. - Mẫu bệnh phẩm: Mẫu nước tiểu. - Ngưỡng phát hiện 300 ng/ml. - Độ chính xác trong đồng với kit thương mại khác > 99.9% - Độ nhạy >99% chính xác ở mức 50% trên và 50% dưới của nồng độ ngưỡng. - Xuất xứ: Nhóm nước G7 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc tương đương. 	Test	500,0
23	Que nước tiểu 10 thông số dùng cho máy (Hãng: Erba - Model: Laura M)	<ul style="list-style-type: none"> - Que nước tiểu 10 thông số: pH, tỷ trọng, ketone, protein, bạch cầu, hồng cầu, glucose, nitrite, bilirubin, urobilinogen,... dùng cho máy Erba - Model: Laura M. - Phù hợp sử dụng trên máy Erba Laura M. - Quy cách: ≥ 100 que/hộp - Tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc tương đương. 	Hộp	370,0
24	Que nước tiểu 11 thông số dùng cho máy (Hãng: Analyticon - Model: Scan 500)	<ul style="list-style-type: none"> Que thử dùng cho máy nước tiểu Combi scan 500 phân tích được 11 thông số trong xét nghiệm nước tiểu: pH, tỷ trọng, ketone, protein, bạch cầu, hồng cầu, glucose, nitrite, bilirubin, urobilinogen, vitamin C,... Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương. 	Hộp	85,0
25	Dung dịch Anti A	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch chứa kháng thể chống A. Dùng trong định nhóm máu hệ ABO. Thể tích: ≥ 10 ml/lọ. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương. 	Lọ	50,0
26	Dung dịch Anti B	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch chứa kháng thể chống B. Dùng trong định nhóm máu hệ ABO. Thể tích: ≥ 10 ml/lọ. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương. 	Lọ	50,0
27	Dung dịch Anti D	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch chứa kháng thể chống lại yếu tố D. Dùng trong định nhóm máu hệ Rhesus. Thể tích: ≥ 10 ml/lọ. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương. 	Lọ	50,0
28	Dung dịch Anti AB	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch chứa kháng thể chống AB. Dùng trong định nhóm máu hệ ABO. Thể tích: ≥ 10 ml/lọ. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương. 	Lọ	20,0
29	Dung dịch LISS (Low ionic strength saline)	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch nước muối nồng độ ion thấp, làm tăng nhanh tốc độ phản ứng liên kết giữa kháng nguyên – kháng thể. Thể tích: ≥ 10 ml/lọ. Tiêu chuẩn: ISO, IFCC/ FDA/ CE hoặc tương đương. 	Lọ	40,0
30	Dung dịch AHG (Anti Human Globulin)	<ul style="list-style-type: none"> Kháng thể kháng globulin người. Dùng trong các xét nghiệm Coombs và phản ứng hòa hợp. Thể tích: ≥ 10 ml/lọ. Tiêu chuẩn: ISO, FDA, CE hoặc tương đương. 	Lọ	30,0

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
31	Test nhanh HBsAg	<ul style="list-style-type: none"> - Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu máu của phụ nữ mang thai. Dạng khay. - Độ nhạy: 100% (Khoảng tin cậy 96.2 - 100%); Độ đặc hiệu: 100% (Khoảng tin cậy 97.9 - 100%) - Thời gian trả kết quả: ≤20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: ≤100 µL; - Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV,... - Kit thử ổn định ít nhất 20 tuần khi để ở nhiệt độ 55°C - Ngưỡng phát hiện: ≤1 ng/ml - Thử nghiệm chất gây nhiễu: ≥17 loại chất có khả năng gây nhiễu (Rheumatoid factor, Bilirubin, Hemoglobin, Triglycerides, Metronidazole, Mefloquine, Quinine, Primaquine, Pyrimethamine, Ritonavir, Tenofovir disoproxil fumarate, Entecavir, Isoniazid (INH), Aspirin, Paracetamol, Biotin, Caffeine) không gây nhiễu cho sản phẩm. - Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE-IVD hoặc tương đương 	Test	5.000,0
32	Test nhanh giang mai	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện kháng thể Giang mai trong mẫu huyết thanh, huyết tương. - Test dạng que. - Độ nhạy: ≥99,9%, độ đặc hiệu ≥ 99,7% - Thời gian đọc kết quả: 10 - 20 phút. - Không phản ứng giả với các tác nhân HAMA, RF, Rubella và Toxo. Kết quả không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố với nồng độ tương ứng Bilirubin: 1g/dL(1000mg/dL); Acetaminophen: 20mg/dL; Ascorbic Acid: 2g/dL; - Xuất xứ: Nhóm nước G7 - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương. 	Test	1.000,0
33	Test nhanh Dengue NS1 Ag	<ul style="list-style-type: none"> - Test nhanh phát hiện kháng nguyên sốt xuất huyết Dengue NS1. Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương. - Độ nhạy >95%, độ đặc hiệu >96% - Thời gian đọc kết quả: 10 - 20 phút. - Cung cấp kèm dung dịch chứng dương và chứng âm nội kiểm; Chứng dương Dengue NS1 chứa bột kháng nguyên tổ hợp Dengue NS1 và chất bảo quản. - Đóng gói riêng từng test, chất lượng, quy cách ≤ 30 test/hộp. - Nhiệt độ bảo quản 2-30 độ C - Xuất xứ: G7 (cung cấp chứng nhận xuất xứ) - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485. 	Test	3.500,0
34	Test nhanh Dengue IgM/IgG	<ul style="list-style-type: none"> - Test nhanh phát hiện kháng thể sốt xuất huyết. - Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương. - Độ nhạy >94%, độ đặc hiệu >99%, độ chính xác >98%, độ lặp lại >99%. - Thời gian đọc kết quả: 10 - 20 phút. - Cung cấp kèm dung dịch chứng dương và chứng âm nội kiểm theo hộp test; Chứng dương Dengue IgG/IgM chứa kháng thể Dengue IgG, Dengue IgM và chất bảo quản Proclin300. - Xuất xứ: nhóm nước G7 (cung cấp chứng nhận xuất xứ). - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485. 	Test	1.000,0

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	Test nhanh HCV-Ab	<ul style="list-style-type: none"> - Test nhanh phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. Dạng khay. - Độ nhạy: $\geq 99.3\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98.1\%$ so với RT-PCR - Thành phần: Protein A, Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NSS), Globulin miễn dịch dê kháng người. - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: $\leq 10\mu\text{l}$ - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, xoắn khuẩn <i>Borrelia burgdorferi</i>, EBV, HTLV, Ký sinh trùng <i>Toxoplasma</i>, <i>Chlamydia</i>, HBsAg, Cúm, <i>Trypanosoma cruzi</i> I /II, ... - Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu. - Đạt tiêu chuẩn: ISO, WHO PQ hoặc các tiêu chuẩn tương đương. 	Test	2.500,0
36	Test nhanh HAV-Ab	<ul style="list-style-type: none"> - Test thử thiết kế để đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh hoặc huyết tương người với 3 vạch được phủ sẵn trên bề mặt màng: “G” (vạch thử HAV IgG), “M” (vạch thử HAV IgM) và “C” (vạch chứng). - Thành phần Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột, Kháng nguyên: Kháng nguyên vi rút viêm gan A tái tổ hợp. - Độ nhạy $\geq 97.6\%$ và độ đặc hiệu là $\geq 98\%$. - Thể tích sử dụng huyết thanh hoặc huyết tương: $\leq 5\mu\text{L}$ - Thời gian đọc kết quả: ≤ 20 phút. - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS EU hoặc tương đương. 	Test	1.000,0
37	Test nhanh HEV-Ab	<ul style="list-style-type: none"> - Test dạng cassette dùng để phát hiện kháng thể HEV IgG và IgM, thực hiện trên mẫu huyết tương hoặc huyết thanh người. - Độ nhạy $\geq 90\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98,6\%$; Độ chính xác: $\geq 97,7\%$ - Thời gian đọc kết quả: ≤ 20 phút. - Cung cấp kèm que hút mẫu. - Xuất xứ: nhóm nước G7. - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 hoặc tương đương. 	Test	1.000,0
38	Test xét nghiệm Rubella IgG/IgM	<ul style="list-style-type: none"> - Test xét nghiệm Rubella IgG/IgM dạng khay. - Mẫu bệnh phẩm: Máu ngón tay, máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người. - Độ nhạy: $\geq 95\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ - Thời gian đọc kết quả: ≤ 20 phút. - Xuất xứ: nhóm nước G7. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương. 	Test	500,0
39	Test nhanh Helicobacter pylori Ab	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện kháng thể kháng <i>H.pylori</i> trong huyết tương hoặc huyết thanh, máu toàn phần người. Test dạng casset. - Độ nhạy $>95\%$, độ đặc hiệu $>91\%$ - Thời gian đọc kết quả: ≤ 20 phút. - Cung cấp kèm que hút mẫu. - Xuất xứ: Nhóm nước G7 - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 hoặc tương đương. 	Test	200,0
40	Test nhanh sốt rét	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện kháng nguyên 2 chủng <i>P.falciparum</i> và <i>P. vivax</i> trong máu người . - Test dạng cassette, thực hiện trên mẫu máu toàn phần. - Độ nhạy $>98\%$, độ đặc hiệu 99.9% - Thời gian đọc kết quả: ≤ 20 phút. - Cung cấp kèm que hút mẫu. - Xuất xứ: Nhóm nước G7. - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 hoặc tương đương. 	Test	50,0

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
41	Test nhanh FOB	<ul style="list-style-type: none"> - Test nhanh FOB là một xét nghiệm sắc ký miễn dịch nhanh nhằm phát hiện định tính máu (hemoglobin) trong phân người. - Thành phần: kháng thể kháng hemoglobin, IgG chuột, ... - Độ nhạy: $\geq 93,6\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99,1\%$, Độ chính xác: $\geq 98\%$ - Thời gian đọc kết quả: 5 - 10 phút. - Không có phản ứng chéo với mẫu hemoglobin bò, hemoglobin gà, hemoglobin lợn, hemoglobin dê, hemoglobin ngựa, hemoglobin thỏ, ... - Không bị nhiễu bởi: các mẫu nghiệm phẩm có chứa tối đa 20 mg/dl acid ascorbic, 100 mg/dl bilirubin, ... - Tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc tương đương. 	Test	200,0
42	Test phát hiện 5 chất gây nghiện trong nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6 MAM)10/AMP/THC trong nước tiểu. - Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là ≤ 300 ng/ml; Codein là ≤ 300 ng/ml; Heroin (6-MAM) là ≤ 10 ng/ml; AMP ≤ 1000 ng/ml; THC ≤ 50 ng/ml. - Độ chính xác tương đồng GC/MS : MOP $\geq 95\%$; AMP $\geq 98\%$; THC $\geq 98\%$; Heroin $\geq 98\%$; Codeine $\geq 95\%$. - Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác $> 99,9\%$. - Độ lặp lại $\geq 75\%$ chính xác ở mức $\pm 25\%$ cut-off ;100% chính xác ở mức âm tính và $\pm 50\%$ cut-off. - Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức nồng độ cao, thấp, bình thường (1.005-1.045) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. - Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test. - Nhiệt độ bảo quản 2 - 30 độ C . - Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid; Caffeine; Tetracycline,... - Đóng gói riêng từng test, quy cách ≥ 25 test/hộp. Có giấy chứng nhận phân tích COA từ nhà sản xuất. - Thời gian đọc kết quả < 10 phút . - Phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn của Bộ Y tế Việt Nam dùng trong y tế, khám sức khoẻ lái xe, ... - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc tương đương. - Nước sản xuất: các nước nhóm G7 (có chứng nhận xuất xứ). 	Test	8.000,0
43	Chai cấy máu	<ul style="list-style-type: none"> - Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate, nắp cao su được bọc bằng kim loại (có vị trí bơm và lấy máu), chứa ≥ 30ml môi trường và ≥ 1.6g hạt polyme hấp phụ, phát hiện vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và vi nấm) từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể, sử dụng với hệ thống cấy máu tự động. - Thành phần: tổ hợp peptones/biological extracts ($\geq 1.85\%$ w/v), anticoagulant ($\geq 0.083\%$ w/v), vitamins và các amino acid khác và các cơ chất carbohydrate trong nước tinh khiết. Chai chứa khí trường N_2, O_2 và CO_2 trong chân không. - Chứa hạt polyme hấp phụ dùng trung hòa kháng sinh (adsorbent polymeric beads). Có khả năng trung hòa tối thiểu các kháng sinh: penicillins, glycolcyclines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cefazolin, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones. - Phù hợp sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT (xác nhận tương thích, phù hợp bởi hãng BacT/ALERT). - Nguyên lý phát hiện: đo màu bằng cảm ứng màu và ánh sáng phản xạ. - Xuất xứ: Nhóm nước G7. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE-IVD, FDA. 	Chai	1.000,0
44	Viên khử khuẩn	<ul style="list-style-type: none"> Viên sủi 2.5g tan nhanh trong nước tạo dung dịch có tác dụng khử khuẩn, diệt vi khuẩn lao, virus, bào tử trên các bề mặt, đồ dùng, dụng cụ thủy tinh và thiết bị...trong bệnh viện. Có hiệu quả với vi khuẩn thực vật, nấm, vi-rút và bào tử vi khuẩn. Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ. - Đạt các tiêu chuẩn: ISO, CFS, GMP hoặc tương đương. 	Viên	500,0
45	Cồn 70 độ	<ul style="list-style-type: none"> Cồn 70 độ dùng cho y tế, sát trùng ngoài da. *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương. 	Lít	2.100,0

STT	Tên phần (lô)	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
46	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ. *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương.	Lít	30,0
47	Cồn tuyệt đối	Cồn y tế 99,5° (Cồn tuyệt đối). *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương.	Lít	30,0
48	Dung dịch phun sát khuẩn phòng mổ	Dung dịch dùng để khử trùng trong phòng mổ, buồng bệnh, phòng thí nghiệm, quy cách can 5L. *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương.	Can	40,0
49	Cloramin B	Hàm lượng 25% - 27% *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương	Kg	50,0
50	Acid Citric	Hàm lượng >99% Đóng gói: 50 kg/ thùng * Đạt các tiêu chuẩn : CE/ISO hoặc tương đương	Kg	700,0
51	Muối tinh khiết	Hàm lượng NaCl: 99% *Tiêu chuẩn: ISO/ CE hoặc tương đương	Kg	350,0
52	Dung dịch sát khuẩn da chứa 7,5% povidone iodine	Dung dịch sát khuẩn da phẫu thuật, chứa 7,5% kl/kl povidone iodine (với nồng độ iodine tự do 10%) chai 500ml. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Chai	1.400,0
53	Dung dịch KOH 10%	- Dung dịch KOH 10% - Quy cách: ≥ 2 ml/lọ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE hoặc tương đương.	Lọ	100,0
54	Dung dịch bôi trơn và chống ăn mòn dụng cụ y tế	- Thành phần: Petroleum hydrocarbons, ester acid béo, chất hoạt động bề mặt. - Tác dụng: Dung dịch dạng sữa, giữ cho dụng cụ y tế như móng, bảo vệ dụng cụ khỏi vi khuẩn và gỉ sét pH: 6.5 – 7.5 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. - Quy cách: Can 4 lít	Can 4 lít	5,0

